TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 18/4/2019
" V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quế Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Hồng.

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trương Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** Bà Lữ Ngọc Minh Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 447/2018/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXX - ST ngày 01 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị Kiều T** – sinh năm: 1992 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T.H , xã T.L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Minh G** – sinh năm: 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp P.T, xã Q.A, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Lê Thị Kiều T trình bày*:

- *Về mối quan hệ hôn nhân:* Chị và anh G do tự tìm hiểu quen biết rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 22/4/2011. Sau ngày cưới chị sống chung với gia đình anh G được một thời gian rồi chị và anh G đi Bình Dương làm. Thời gian đầu chị và anh G chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị và anh G bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ

chồng thường xuyên cự cải, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh G đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Nay chị cảm thấy tình cảm đã không còn và không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh G.

- *Về con chung*: Chị và anh G không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả:* Chị và anh G tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, lần 2, quyết định xét xử cho anh Nguyễn Minh G nhưng anh G vẫn vắng mặt không có lý do nên không có tài liệu chứng cứ, không có lời trình bày.

Chị Lê Thị Kiều T đã nộp cho Tòa án giấy trích lục kết hôn.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến là:

- Thủ tục thụ lý vụ án, xác định mối quan hệ pháp luật dân sự của vụ án, quá trình chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ của Thẩm phán và tiến hành phiên tòa sơ thẩm của Hội đồng xét xử sơ thẩm là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh G.

+ Về con chung: Chị T xác định chị và anh G không có con chung nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Án phí sơ thẩm: Buộc chị T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 3; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Lê Thị Kiều T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Minh G. Theo quy định tại

khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Minh G đến lần thứ hai nhưng anh G vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 07 tháng 3 năm 2019 ông Lê Văn C là Trưởng ấp P.T trình bày: Anh Nguyễn Minh G có ở ấp P.T, xã Q.A, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Hiện tại anh G và cha mẹ anh G đã đi làm trên thành phố Hồ Chí Minh lâu lâu mới về nhà một lần.

[2] Chị Lê Thị Kiều T và anh Nguyễn Minh G chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chị T anh G chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong tình cảm, vợ chồng thường xuyên cự cải, không còn hòa thuận. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh G đã kéo dài, cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị T được ly hôn với anh G là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có con chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Án phí sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Kiều T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 3; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35; Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Cho chị Lê Thị Kiều T được ly hôn với anh Nguyễn Minh G.

- *Về con chung*: Không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung; về nợ chung phải thu, phải trả*: Chị Lê Thị Kiều T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí sơ thẩm*:

+ Buộc chị Lê Thị Kiều T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số N^0 0009255 ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Chị Lê Thị Kiều T đã nộp đủ không phải nộp thêm.

+ Anh Nguyễn Minh G không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện V;
-Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quế Hương